

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN IA GRAI
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2020/DS-ST
Ngày 23/9/2020
“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài
sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN IA GRAI, TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Quốc Bảo và ông Nguyễn Văn Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thắm - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Lê Đình Hợp - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 31/2020/TLST-DS ngày 31 tháng 3 năm 2020, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2020/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Võ Thị H, địa chỉ: Tổ dân phố X, thị trấn K, huyện G, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Bị đơn: Bà Hà Thị T và ông Đỗ Công D, địa chỉ: Thôn B, xã I, huyện G, tỉnh Gia Lai. Bà T có mặt, ông D vắng mặt.

- Người có quyền và nghĩa vụ liên quan: Bà Hà Thị Minh Th, địa chỉ: Thôn Th, thị trấn K, huyện G, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 18 tháng 3 năm 2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Võ Thị H trình bày:

Vào ngày 08/3/2018, nguyên đơn là bà Võ Thị H có cho vợ chồng ông Đỗ Công D và bà Hà Thị T vay tiền 02 lần, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất, ông Đỗ Công D và bà Hà Thị T vay số tiền 260.000.000đ, các bên có viết giấy vay tiền, có chữ ký xác nhận của ông Đỗ Công D và bà Hà Thị T, lãi suất thỏa thuận bằng lời nói là 2.000đ/triệu/ngày nhưng không ghi rõ vào giấy vay tiền, thời hạn trả nợ gốc và lãi trong vòng 07 ngày kể từ ngày vay. Ông

D và bà T đã 02 lần trả tiền, cụ thể vào ngày 23/3/2018 trả 10.000.000đ, vào ngày 13/4/2018 trả 10.000.000đ.

Lần thứ hai, ông Đỗ Công D và bà Hà Thị T vay số tiền 200.000.000đ, các bên có viết giấy vay tiền, có chữ ký xác nhận của ông Đỗ Công D, bà Hà Thị T và bà Hà Thị Minh Th, lãi suất thỏa thuận bằng lời nói là 2.000đ/triệu/ngày nhưng không ghi rõ vào giấy vay tiền, thời hạn trả nợ gốc và lãi là vòng 07 ngày kể từ ngày vay. Lý do tại thời điểm viết giấy vay tiền, ông D không có mặt nên bà Hà Thị Minh Th là em gái của bà T ký tên vào giấy ở phần người vay để làm chứng, sau đó ông D có đến để ký vào giấy vay tiền. Đây là khoản vay của ông D và bà T, nên không yêu cầu bà Th trả nợ. Khoản vay này, ông D và bà T chưa trả tiền lãi và tiền gốc.

Bà Võ Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Đỗ Công D và bà Hà Thị T phải trả số tiền còn nợ gốc 440.000.000đ và tiền lãi tính từ ngày 08/3/2018 cho đến khi trả xong nợ với mức lãi suất là 10%/năm.

2. Ý kiến của bà Hà Thị T: Bà Hà Thị T xác định bà và ông Đỗ Công D có vay tiền của bà H vào ngày 08/3/2020 theo 02 giấy vay tiền mà bà H đã cung cấp cho Tòa án, với tổng số tiền 460.000.000đ, lãi suất thỏa thuận là 2.000đ/triệu/ngày, đã trả tiền lãi 20.000.000đ. Đây là số tiền bà T và chồng là Đỗ Công D vay để làm ăn. Bà Hà Thị Minh Th chỉ đứng ra vay giùm và ký vào giấy vay tiền giúp còn thực tế là do vợ chồng bà T vay và sử dụng. Từ khi vay tiền, do làm ăn thua lỗ nên chưa có khả năng trả nợ. Bà T đồng ý trả số tiền 440.000.000đ và tiền lãi với mức lãi suất 10%/năm theo yêu cầu của bà H.

3. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Đỗ Công D vắng mặt, không có ý kiến và không cung cấp tài liệu, chứng cứ.

4. Ý kiến của bà Hà Thị Minh Th: Khi cùng chị T đi đến nhà chị H để vay tiền, chị T có nhờ chị Th ký vào giấy vay tiền ngày 08/3/2018, số tiền vay là 200.000.000đ, với tư cách là người làm chứng. Chị Th không biết cụ thể việc các bên thỏa thuận thời hạn trả nợ, lãi suất. Đây là khoản nợ của chị T và anh D, chị Th không liên quan.

5. Ý kiến của Kiểm sát viên: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng và nguyên đơn đảm bảo, bị đơn chưa thực hiện đúng quy định. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn là ông Đỗ Công D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn Đỗ Công D.

[2] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc xác định tư cách tham gia tố tụng của bà Hà Thị Minh Th là người làm chứng, không phải là người có quyền và nghĩa vụ liên quan. Xét trong giấy vay tiền 08/3/2018 với số tiền vay là 200.000.000đ, trong giấy vay có ghi tên người vay tiền là bà Hà Thị Minh Th, có chữ ký xác nhận của bà Hà Thị Minh Th, điều này có thể dẫn đến phát sinh nghĩa vụ trả nợ của bà Th nên việc Tòa án xác định tư cách tham gia tố tụng của bà Th là người có quyền và nghĩa vụ liên quan là có căn cứ theo quy định tại Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Nguyên đơn cung cấp chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là một “GIẤY VAY TIỀN” ghi ngày 08/3/2018 có chữ ký xác nhận ghi tên của ông Đỗ Công D và bà Hà Thị T, với số tiền vay 260.000.000đ (BL53) và một “GIẤY VAY TIỀN” ghi ngày 08/3/2018 có chữ ký xác nhận ghi tên của ông Đỗ Công D, bà Hà Thị T và bà Hà Thị Minh Th, với số tiền vay 200.000.000đ (BL52). Chứng cứ được bà Hà Thị T và bà Hà Thị Minh Th xác định là đúng, ông Đỗ Công D không có ý kiến phản đối, nên có căn cứ xác định chứng cứ này là đúng sự thật.

[4] Giấy vay tiền ngày 08/3/2018 có chữ ký xác nhận của ba người là ông D, bà T, bà Th, với số tiền vay là 200.000.000đ. Mặc dù giấy vay tiền này có chữ ký xác nhận của bà Hà Thị Minh Th, tuy nhiên theo lời khai của bà Võ Thị H, Hà Thị T, Hà Thị Minh Th thì đây là khoản vay của ông Đỗ Công D và bà Hà Thị T, bà Th chỉ ký xác nhận để bà H tin tưởng vì lý do ông D không có mặt tại thời điểm ký giấy vay. Tòa án đã tiến hành tổng đạt cho ông Đỗ Công D thông báo số 286/TB-TA ngày 26/6/2020 (BL76) về việc thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể là xác định bà Th không phải là người vay tiền, bà H chỉ yêu cầu ông D và bà T có nghĩa vụ trả khoản nợ này nhưng ông D không đưa ra ý kiến phản đối về vấn đề này. Do đó, có căn cứ xác định người vay tiền và có nghĩa vụ trả nợ đối với số tiền vay 200.000.000đ là của ông D và bà T.

[5] Tại 02 giấy vay tiền đều thể hiện nội dung “*Lãi suất thỏa thuận:*” và “*Hẹn trong vòng bảy ngày kể từ ngày vay vợ chồng tôi sẽ trả đầy đủ cả gốc và lãi*” nên có căn cứ xác định các bên có thỏa thuận trả lãi nhưng không ghi rõ mức lãi suất. Tuy nhiên, nguyên đơn và bị đơn Hà Thị T đều xác định giữa các bên có thỏa thuận bằng lời nói về việc trả lãi với lãi suất là 2.000đ/triệu/ngày, tương đương 73%/năm. Do đó, có căn cứ xác định giữa các bên có thỏa thuận về việc trả lãi và mức lãi suất đúng như bà H và bà T đã trình bày. Bà H chỉ yêu cầu ông D, bà T trả lãi với mức lãi suất là 10%/năm là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự nên được chấp nhận.

[6] Bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thời hạn đã thỏa thuận. Căn cứ quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự thì bên vay tài sản phải trả đủ tiền khi đến hạn và phải trả lãi. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Ông Đỗ Công D và bà Hà Thị T phải trả số tiền vay gốc còn nợ là 440.000.000 đồng.

[8] Ông Đỗ Công D và bà Hà Thị T phải trả số tiền lãi tính từ ngày bắt đầu tính lãi 09/3/2018 cho đến hết ngày xét xử (930 ngày) là 112.109.589đ.

[9] Tổng cộng ông Đỗ Công D và bà Hà Thị T phải trả cho bà Võ Thị H số tiền 552.109.589. Đồng thời, kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử, bị đơn còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất là 10%/năm.

[10] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn là người có nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

- Áp dụng các Điều 357, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị H.

Buộc ông Đỗ Công D và bà Hà Thị T phải liên đới trả cho bà Võ Thị H số tiền 552.109.589đ (năm trăm năm mươi hai triệu một trăm lẻ chín nghìn năm trăm tám mươi chín đồng)

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Đỗ Công D và bà Hà Thị T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 10%/năm.

2. Về án phí:

2.1. Buộc ông Đỗ Công D và bà Hà Thị T phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 26.084.384đ (hai mươi sáu triệu không trăm tám mươi bốn nghìn ba trăm tám mươi bốn đồng).

2.2. Trả lại cho bà Võ Thị H số tiền 10.800.000đ (mười triệu tám trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0005955 ngày 31/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn là ông Đỗ Công D vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Ia Grai;
- Chi cục THADS huyện Ia Grai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký tên, đóng dấu)
Nguyễn Văn Huy